

Số: 14/2024/QĐCNTTLH

V, ngày 19 tháng 4 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HOÀ GIẢI TẠI TOÀ ÁN**

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án;  
Căn cứ Điều 55; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của  
anh Trần Trung T và chị Đinh Thị H.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc yêu cầu ly hôn của  
anh Trần Trung T.

- Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải ngày 02 tháng 4 năm 2024 về thuận  
tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hoà giải sau đây:

**Người khởi kiện:** Anh Trần Trung T, sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn 7 L, xã G, huyện V, tỉnh Ninh Bình

**Người bị kiện:** Chị Đinh Thị H, sinh năm: 2003

Địa chỉ: Thôn 7 L, xã G, huyện V, tỉnh Ninh Bình

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hoà giải  
được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải ngày 02 tháng 4 năm 2024 có  
đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hoà  
giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải ngày 02/4/2024 cụ thể  
như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần  
Trung T và chị Đinh Thị H.

1.2. Về con chung: Anh Trần Trung T và chị Đinh Thị H cùng xác nhận  
vợ chồng có một con chung là cháu Trần Huyền A, sinh ngày 12/12/2022. Khi  
ly hôn anh Trần Trung T và chị Đinh Thị H cùng thống nhất thoả thuận sau khi  
ly hôn sẽ giao con chung là cháu Trần Huyền A cho chị Đinh Thị H được trực  
tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ tháng 04/2024 cho đến

khi cháu Trần Huyền A đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Trung T và chị Đinh Thị H tự thoả thuận không đề nghị Toà án giải quyết .

1.3. Về tài sản và công nợ chung: Anh Trần Trung Trường và chị Đinh Thị H không đề nghị toà án xem xét giải quyết. Do vậy về quan hệ tài sản chung và công nợ chung Toà án không xem xét giải quyết.

1.4. Về các vấn đề khác: Chi phí hòa giải các bên không phải chịu.

**2.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

**THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**Hà Thiện Thành**